

BÀN VỀ CƠ CHẾ LĨNH HỘI NỀN VĂN HOÁ XÃ HỘI Ở TRẺ EM

Trương Thị Khánh Hà

Khoa Tâm lý học, Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn.

Trong bất kỳ xã hội nào tuổi thơ, tuổi học sinh luôn là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của con người. Đó là giai đoạn lứa tuổi chịu sự tác động của môi trường văn hoá xã hội nhiều hơn bất kỳ giai đoạn lứa tuổi nào khác.

Mỗi chúng ta từ nhỏ được sống và phát triển trong một nền văn hoá xã hội, để đến khi lớn lên chúng ta đã mang trong mình những đặc điểm văn hoá của dân tộc mình (những tri thức về phong tục, tập quán, những giá trị được xã hội coi trọng, các nguyên tắc ứng xử) và chúng trở thành những gì vô cùng gần gũi và tự nhiên - gần như hiển nhiên đối với mỗi người. Tại sao vậy, cơ chế tiếp cận và lĩnh hội văn hoá ở mỗi người diễn ra như thế nào?

Trong các cuốn sách của các nhà tâm lý học phương Tây, các tác giả nêu ra ba dòng quan điểm chính về vấn đề này.

Bornstein, 1989, và nhiều tác giả khác nhấn mạnh vai trò của văn hoá trong việc điều khiển hành vi của các bậc cha mẹ và qua cha mẹ tác động đến trẻ em. Nói cách khác: môi trường văn hoá xã hội xung quanh người mẹ đã thông qua người mẹ tác động đến những đứa con, như mô hình sau (Matsumoto, 2000):

VĂN HOÁ → NGƯỜI MẸ → CON TRẺ

Một số nhà nghiên cứu khác như Shand, Kosawa và Ellis, 1998, lại nhấn mạnh vai trò khởi đầu của các yếu tố sinh học, họ cho rằng: những đặc điểm sinh học đã ảnh hưởng đến khí chất của trẻ, khí chất của trẻ có thể tác động ảnh hưởng đến hành vi của cha mẹ và từ đó làm xuất hiện những khác biệt văn hoá (Matsumoto, 2000):

GIEN → (KHÍ CHẤT) CON TRẺ → (HÀNH VI) NGƯỜI MẸ → VĂN HÓA

Những nghiên cứu xuyên văn hoá đã cho những kết quả chứng minh tính đúng đắn của cả hai quan điểm. Những nghiên cứu về “phong cách ứng xử của cha mẹ” đã góp phần khẳng định cơ chế thứ nhất. Còn những nghiên cứu về “khí chất” và “mối quan hệ gắn bó mẹ con” đã góp phần khẳng định cơ chế thứ hai.

Các tác giả Holloway và Minami, 1996, đã đưa ra quan điểm có xu hướng tích hợp hai quan niệm trên. Đó là quan điểm về sự tác động qua lại giữa cha mẹ và con cái trong việc cùng tạo ra những nét văn hoá (những biểu hiện văn hoá) mới. Nói cách khác, đứa trẻ vừa lĩnh hội văn hoá vừa tạo ra văn hoá. Đó là kết quả của quá trình tích cực chuyển hóa, tiếp thu, vận dụng những kinh nghiệm văn hoá xã hội và tạo ra những nét mới cho chính nền văn hoá đó. Những gì cha mẹ, xã hội truyền cho đứa trẻ tạo cơ sở làm nảy sinh ở chúng những quan điểm mới. Những quan điểm, hình mẫu mới được trẻ thể hiện và cố gắng tìm cho chúng chỗ đứng trong xã hội thông qua quá trình tương tác tích cực giữa cha mẹ - con cái, giữa cá nhân - xã hội, đó không phải đơn thuần chỉ là kết quả của sự trí giác, ghi nhớ những gì cha mẹ, xã hội truyền cho trẻ (Matsumoto, 2000).

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, Vugôtski cùng với Luria đã xuất bản các công trình nghiên cứu lịch sử hành vi, họ chứng minh rằng: Hành vi của con người văn hoá là sản phẩm của cả 3 tuyến phát triển: tuyến tiến hoá, tuyến lịch sử và tuyến cá thể. Tuyến tiến hoá đã hoàn tất cùng với sự ra đời của con người, có cơ thể phát triển của con người cùng với những khả năng tạo ra công cụ và sử dụng công cụ. Tuyến tiến hoá đã tạo tiền đề tâm lý cơ bản cho sự phát triển hành vi văn hoá của con người. Tiếp theo, lao động và cùng với lao động là ngôn ngữ và các dấu hiệu tâm lý khác giúp con người tiền sử bắt đầu tập làm chủ hành vi - đó chính là sự mở đầu cho sự phát triển lịch sử văn hoá xã hội loài người. Cuối cùng là tuyến cá thể: Sự phát triển tâm lý tự nhiên của đứa trẻ (gắn liền với sự lớn lên về mặt cơ thể và sự chín muồi) và sự phát triển tâm lý văn hoá (dựa trên sự lĩnh hội các giá trị văn hoá xã hội loài người, sự lĩnh hội các biện pháp, phương pháp hành vi và tư duy) luôn quyện chặt, không tách rời nhau. Các hành vi văn hoá của con người có bản chất xã hội và có nguồn gốc từ môi trường xã hội (Phạm Minh Hạc, 1998).

Thực ra, trong lịch sử các tư tưởng tâm lý học, có nhiều tác giả đã nói đến những quan điểm trên dưới dạng này hay dạng khác. Các tác giả nêu trên đã có công hệ thống, hoàn thiện và cụ thể hoá những tư tưởng của những người đi trước.

Nếu chúng ta xem xét kỹ các quan điểm nêu trên, có thể thấy chúng đều đúng và bổ trợ cho nhau. Quan điểm của Vugôtski mang tính vĩ mô, bao trùm phạm vi không gian và thời gian rộng lớn, liên quan đến sự phát triển của không chỉ một nền văn hoá, mà của cả lịch sử phát triển xã hội loài người. Các quan điểm của các nhà tâm lý học phương Tây nêu lên cơ chế lĩnh hội văn hoá cụ thể hơn, liên quan đến cuộc đời con người trong nền văn hoá cụ thể.

Văn hoá với nghĩa rộng của nó bao trùm nhiều mặt của cuộc sống, đến nỗi thời gian của cả cuộc đời không đủ cho mỗi người để có thể lĩnh hội các giá trị văn hoá của dân tộc mình. Quá trình tiếp cận và lĩnh hội văn hoá dân tộc là quá trình lâu dài và đòi hỏi nhiều trải nghiệm thực tế. Trong quá trình đó, ai trong chúng ta cũng có lúc vấp ngã hoặc đi chệch hướng. Nhưng, mọi người xung quanh, các tổ chức, các thiết chế xã hội, luôn bên cạnh để giúp đỡ, đôi khi là để bắt buộc chúng ta phải đứng dậy đi tiếp, và đi "đúng đường".

Các nền văn hoá trên thế giới vô cùng đa dạng và phong phú. Chúng tôi xin đề cập đến hai nhóm văn hoá được nói tới nhiều nhất, đó là văn hoá cộng đồng (hướng tới các giá trị cộng đồng là chính) và văn hoá cá nhân (phần lớn là hướng tới các giá trị cá nhân). Nếu thành viên của những nền văn hoá cá nhân dựa vào các cảm xúc của bản thân để xem mình có thoả mãn với cuộc sống của mình hay không, thì thành viên của những nền văn hoá cộng đồng lại dựa trên các thông tin bên ngoài, ví dụ như: cuộc sống của họ có phù hợp với những chuẩn mực văn hoá xã hội hay không, mọi người đánh giá cuộc sống của họ thế nào... Có thể nói, các nước Mỹ và châu Âu là những nước mang đậm nét văn hoá cá nhân, còn trong các nước có nền văn hoá cộng đồng thì Việt Nam là một trong những nước tiêu biểu nhất (Trần Ngọc Thêm, 1999). Những giá trị cơ bản của văn hoá cộng đồng thường gắn liền với sự “nghe lời”, với “trách nhiệm”, với “phong tục tập quán” và với những “hành vi đúng đắn” theo quan điểm của cộng đồng (Stephanhencó, 2003).

Chúng tôi cho rằng: cơ chế lĩnh hội văn hoá dân tộc ở những nền văn hoá cộng đồng diễn ra phổ biến hơn theo quan điểm thứ nhất (VĂN HOÁ → NGƯỜI ME → CON TRẺ), quan điểm thứ hai (GIEN → (KHÍ CHẤT) CON TRẺ → (HÀNH VI) NGƯỜI ME → VĂN HÓA) chiếm ưu thế hơn ở những nền văn hoá cá nhân.

Ví dụ, Việt Nam là nước có nền văn hoá cộng đồng, các bậc cha mẹ và các thầy cô giáo ở Việt Nam thường ít quan tâm đến sự khác biệt trong phương pháp giáo dục trẻ em theo các cách khác nhau. Chúng ta đều biết, một đứa trẻ được coi là ngoan khi nó thực hiện tốt những yêu cầu nhà trường và gia đình đề ra, được coi là giỏi khi nó đạt điểm cao ở các môn học đã đưa vào chương trình. Nếu những yêu cầu của gia đình và nhà trường đề ra cũng như các môn học trong chương trình học cho mọi trẻ em gần như giống nhau trong suốt mười hai năm học phổ thông, thì những khả năng chuyên biệt có thể có ở trẻ em có thể bị mất đi. Các bậc cha mẹ và các thầy cô giáo ở các nền văn hoá cá nhân thì luôn có xu hướng tìm kiếm những khác biệt ở các trẻ em khác nhau và luôn sẵn sàng tìm ra những nguyên nhân để có những cách tiếp cận riêng đối với trẻ em hay học sinh của mình. Chính sự khác nhau này là nguồn gốc và là kết quả của những khác biệt đặc trưng của nền văn hoá cộng đồng và văn hoá cá nhân.

Tại nhiều nước, như ở Mỹ chẳng hạn, người ta rất coi trọng các đặc điểm bẩm sinh. Họ coi những ưu thế bẩm sinh quan trọng hơn cả sự nỗ lực của cá nhân trong lĩnh vực hoạt động nhất định. Trong khi người Việt Nam và nhiều nước với nền văn hoá cộng đồng khác lại cho rằng sự cần cù lao động quan trọng hơn rất nhiều so với khả năng bẩm sinh.

Tương ứng với các quan niệm trên, cha mẹ người Mỹ có thể hài lòng với những kết quả học tập rất khiêm tốn của con. Nếu như xuất hiện vấn đề trong việc học hành của con thì trước hết họ sẽ tìm nguyên nhân ở năng lực của trẻ, nguyên nhân là ở chỗ chúng không thể kham nổi chương trình học tập. Còn cha mẹ người

Việt Nam thì tìm nguyên nhân trước tiên ở chỗ đứa trẻ chưa chăm chỉ học hành, vẫn còn lười nhác. Điều này giải thích tại sao cha mẹ Việt Nam muốn các con học nhiều. Ngoài giờ học ở trường, họ còn cho con đi học thêm ở các lớp tư, hoặc làm bài thêm ở nhà. Việc học thêm tràn lan là kết quả của quan niệm cho rằng học sinh học càng nhiều càng giỏi. Trong nhiều trường hợp, nó có thể gây ra những căng thẳng tâm lý nghiêm trọng ở trẻ em.

Chúng tôi không đồng ý với quan niệm cho rằng: năng lực, tố chất quan trọng hơn sự cố gắng. Tuy nhiên nó cũng có mặt tích cực của nó: Khi cha mẹ cho rằng khả năng của mỗi đứa trẻ là giới hạn thì họ bắt đầu đưa ra điều kiện đối với hệ thống giáo dục. Kết quả là hệ thống giáo dục của Mỹ bắt đầu tìm kiếm những khác biệt giữa các trẻ em khác nhau, thành lập những lớp và nhóm học sinh chuyên biệt về từng lĩnh vực để có thể cá nhân hoá đến mức tối đa quá trình học tập.

Phong cách dạy học và quan hệ thầy trò ở mỗi nền văn hoá cũng mang những nét riêng. Quá trình dạy học ở Việt Nam thường là quá trình một chiều: Thầy giáo nói, học sinh nghe. Trong các trường phổ thông, thầy cô giáo thường xuyên yêu cầu học sinh ngồi yên, trật tự lắng nghe, không nói chuyện, không làm việc riêng. Ở nhiều nước khác, thầy giáo - với tư cách là người đứng đầu về kinh nghiệm và tri thức - có vai trò tổ chức hoạt động học, sao cho học sinh tự mình khám phá ra những tri thức cần lĩnh hội. Tuy nhiên, nếu phòng ốc và các trang thiết bị không đủ, thì cách thứ nhất, theo chúng tôi có lẽ hiệu quả hơn.

Các tài liệu chúng tôi tham khảo được còn cho thấy rằng, các giáo viên Mỹ có xu hướng khen học sinh vì những câu trả lời đúng hơn là chê học sinh vì những câu trả lời sai. Nếu em nào mắc lỗi thì giáo viên sẽ gặp riêng em đó để nói chuyện, tìm hiểu. Giáo viên Việt Nam lại hay chú ý vào những câu trả lời sai, thường chỉ trích nhiều hơn là khích lệ. Họ có thể phân tích hàng giờ lỗi lầm của em học sinh nào đó trước cả lớp, em nào mắc lỗi thì nghe để sửa, em nào không mắc lỗi thì cũng ngồi nghe để rút kinh nghiệm (Trong gia đình sự việc cũng diễn ra tương tự: khi đứa con mắc lỗi, cha mẹ tập trung chỉ trích mà quên hết những việc làm đúng khác của con).

Tài liệu tham khảo

1. David Matsumoto. *Culture and Psychology*. Wadsworth, Thomson Learning, 2000. (Bản tiếng Nga)
2. Stephanenco B. G. *Tâm lý học dân tộc*. Matxcova, 2003, (Bản tiếng Nga).
3. Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học Vutôtski*. NXB GD, 1998.
4. Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB GD, 1999.
5. *Văn hoá và tính cách người Mỹ*. NXB KHXH, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 1990.